TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 THÁI NGUYÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 38/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 5 - 2026
V/v Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Nhường
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Hải
Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Ma Văn Chung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên không tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 52/2026/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/3/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1986/ có mặt.
Nơi cư trú: Xóm T, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên.
Bị đơn: Anh **Vũ Minh D**, sinh năm 1998/ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
Nơi cư trú: Tổ T, phường N, thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày: Chị và anh Vũ Minh D kết hôn, xây dựng gia đình với nhau từ năm 2020, có đăng ký kết hôn, có được tự nguyện. Quá trình chung sống có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai người không có sự hòa hợp, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết do chênh lệch về tuổi tác, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian dài, hai người không còn quan tâm đến nhau. Bản thân chị nhận thấy cuộc hôn nhân không còn hòa thuận, hạnh phúc, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn, cuộc sống chung vợ chồng thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Minh D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Minh K, sinh ngày 22/7/2021. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị Thu T nhận nuôi con vì hiện con đang ở với chị, chị T không yêu cầu anh Vũ Minh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Công nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Vũ Minh D trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thu T kết hôn, xây dựng gia đình với nhau từ năm 2020, có đăng ký kết hôn, có được tự nguyện. Quá trình chung sống có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, có nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết, vợ chồng đã ly thân được một thời gian, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Nay chị Nguyễn Thị Thu T xin ly hôn thì anh nhất trí ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu T vì tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung anh D và chị T có 01 con chung là Vũ Minh K, sinh ngày 22/7/2021. Khi ly hôn anh Duy nhất T1 để chị T trực tiếp nuôi con vì anh đang đi làm ăn xa.

Về tài sản chung: Anh Duy xác định vợ chồng không có tài sản chung.

Về công nợ chung: Anh Duy xác định vợ chồng không có nợ chung.

Do anh D không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải nên các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và lời trình bày của đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là anh Vũ Minh D, bị đơn đang cư trú tại phường N, thành phố Hải Phòng nhưng hai bên đương sự đã có văn bản thỏa thuận lựa chọn, yêu cầu Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn thụ lý giải quyết việc ly hôn của hai bên đương sự. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn đến Tòa án trình bày bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Vũ Minh D không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử vụ án, mà có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt anh Vũ Minh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Vũ Minh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kêt hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được những thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Căn cứ lời khai của chị Nguyễn

Thị Thu T xác định được mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự hòa hợp do chênh lệch về tuổi tác và đã sống ly thân được một thời gian dài. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và xin được ly hôn anh Vũ Minh D. Trong thời gian qua và kể từ khi chị Nguyễn Thị Thu T khởi kiện xin ly hôn đến nay anh Vũ Minh D không tìm cách hòa giải đoàn tụ với chị Nguyễn Thị Thu T, không thuyết phục chị T rút đơn quay về chung sống với anh, mà trình bày trong bản tự khai nhất trí ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy chị Nguyễn Thị Thu T và anh Vũ Minh D đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn, hai bên không còn tìm thấy sự đồng điệu, gắn bó, sẻ chia trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, hai người đã sống ly thân không còn khả năng đoàn tụ, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Vũ Minh D.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Vũ Minh D có 01 con chung là Vũ Minh K, sinh ngày 22/7/2021. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị Thu T nhận nuôi con và không yêu cầu anh Vũ Minh D phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Hiện con đang được chị T trực tiếp nuôi dưỡng từ khi còn thơ bé đến nay. Xét thấy chị T có chỗ ở và có điều kiện nuôi con, có thời gian chăm sóc con nhỏ, anh Vũ Minh D cũng đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con, do vậy cần giao con cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế hiện tại và để đảm bảo sự ổn định cuộc sống và quyền lợi của con. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Vũ Minh D xác định vợ chồng không có tài sản chung.

[5] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Vũ Minh D xác định vợ chồng không có nợ chung.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 174, 177, Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56; 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T, cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Vũ Minh D.

[2]. Về con chung: Giao con chung là Vũ Minh K, sinh ngày 22/7/2021 cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có

sự thay đổi khác. Anh Vũ Minh D có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được phép ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Tài sản chung: Hai bên đương sự xác định không có.

[4]. Về nợ chung: Hai bên đương sự xác định không có.

[5]. Án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000704 ngày 26/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Chị Nguyễn Thị Thu T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[6]. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu T biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là anh Vũ Minh D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND khu vực 5-TN;
- THADS tỉnh TN;
- Các đương sự;
- UBND xã Đồng Hỷ;
- Lưu VT, HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Hữu Nhường